TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số 17/2023/DS-ST
Ngày 05/5/2023
(V/v T/ c Hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Văn Chấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Băc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST - DS ngày 04 tháng 01năm 2023.về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST- DS ngày 23/ 02/ 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá T - Sinh năm 1974(Có mặt).

Bà Bùi Thị H- Sinh năm 1977 (Vắng mặt, ủy quyền ông T tham gia tố tụng).

Cùng cư trú: Thôn Kim Sa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn T A- Sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Quán Bông, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ông Nguyễn Duy Tưởng- Sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Trung Quê, xã Lê Lợi, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tưởng, bà Anh : Bà Nguyễn Thị Oanh- Sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn Lịch Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Bá T và bà Bùi Thị H trình bày: Ngày 01/4/2016, bà Nguyễn T A và cH là ông Nguyễn Duy Tưởng vay vợ cH ông T, bà H 200.000.000 đồng, có viết giấy vay nợ, không thỏa thuận thời hạn trả; trong giấy biên nhận vay nợ không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận miệng lãi suất là 10%/ năm. Đến nay ông T, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà Anh, ông Tưởng chưa trả đồng nào tiền gốc, tiền lãi suất đã trả được 20.000.000 đồng. Nay ông T, bà H yêu cầu ông Tưởng, bà Anh trả

200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất đến ngày xét xử nhưng tính tròn 07 năm, lãi suất là 10%/ năm. Số tiền trên là tài sản chung của ông T, bà H.

Bị đơn là bà Nguyễn T A tại Biên bản ghi lời khai trình bày: Về thời gian vay tiền bà Anh không nhớ rõ, do quan hệ quen biết hàng xóm nên bà Anh và cH là ông Nguyễn Duy Tưởng vay ông Nguyễn Bá T, nơi ở thôn Kim Sa, xã Cẩm Lý, huyện Lục nam, tỉnh Bắc Giang số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, khi vay có viết biên nhận bà Anh, ông Tưởng đều ký nhận, không thỏa thuận lãi suất tại giấy vay tiền nhưng thỏa thuận miệng lãi suất 2000 đồng/ ngày/ 01 triệu, lãi trả hằng tháng; bà Anh không nhớ có thỏa thuận thời hạn trả nợ hay không. Đến nay bà Anh đã trả tiền lãi 12.000.000 đồng/ tháng và đã trả lãi được hơn 01 năm nhưng không viết biên nhận trả tiền lãi. Tiền gốc chưa trả đồng nào. Nay bà Anh không yêu cầu gì về tiền lãi đã trả ông T. Số tiền nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) trên là nợ chung của vợ cH bà Anh, ông Tưởng. Nay ông T yêu cầu trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc thì bà Anh đồng ý, còn tiền lãi suất thì xin ông T.

Bà Anh và ông Tưởng chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay, có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy Linh- SN 1997 và Nguyễn Tuấn Hiệp - SN 2003(Các con chung không liên quan gì đến việc vay tiền trên). Hiện nay bà Anh và ông Tưởng vẫn là vợ cH, chưa ly hôn.

Ông Nguyễn Duy Tưởng vắng mặt suốt quá trình tố tụng, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Oanh tham gia tố tụng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tưởng, bà Anh là bà Nguyễn Thị Oanh đề nghị xét xử vắng mặt.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của Nguyên đơn , Bị đơn và những người tham gia tố tụng khác; việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bà Anh, ông Tưởng phải liên đới có nghĩa vụ trả ông T, bà H 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là (200.000.000 đồng x 10%/ năm x 07 năm = 140.000.000 đồng). Do ông Tưởng trình bày bà Anh đã trả 20.000.000 đồng tiền lãi suất nên số tiền lãi suất còn lại là 140.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 120.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 200.000.000 đồng + 120.000.000 đồng = 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Án phí sơ thẩm: Bà Anh, ông Tưởng phải liên đới có nghĩa vụ chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt bà H, bà Anh, ông Tưởng nhưng bà H đã ủy quyền cho ông T; bà Anh, ông Tưởng đều ủy quyền cho bà Oanh tham gia tố tụng; bà Oanh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt .Do vậy việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của ông T là trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Căn cứ Giấy biên nhận ngày 01/4/2016 thể hiện: Ngày 01/4/2016 vợ cH bà Anh, ông Tưởng vay ông T 200.000.000 đồng, có viết giấy vay nợ không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời hạn trả. Bà Anh cũng đồng ý trả 200.000.000 đồng gốc, ông Tưởng và Đại diện theo ủy quyền không ý kiến gì nên cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu ông Tưởng, bà Anh trả 200.000.000 đồng gốc. Về lãi suất: Tại Giấy biên nhận vay nợ ngày 01/4/2016 không thể hiện các đương sự thỏa thuận về lãi suất nhưng ông T trình bày thỏa thuận miệng lãi suất là 10%/ năm, bà Anh trình bày lãi suất là 2000 đồng/ ngày/ 01 triệu, đã trả tiền lãi 12.000.000 đồng/ tháng và đã trả lãi được hơn 01 năm nhưng không viết biên nhận trả tiền lãi; bà Anh không yêu cầu gì về tiền lãi đã trả ông T. Tiền gốc chưa trả đồng nào. Do các đương sự không thống nhất được về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự giải quyết. Do Hợp đồng vay tài sản không thời hạn nên ông T yêu cầu trả lãi suất đến ngày xét xử và tính tròn 07 năm là có căn cứ chấp nhận. Do ông T và bà H đều trình bày số tiền trên là tài sản chung vợ cH nên cần buộc bà Anh, ông Tưởng phải liên đới có nghĩa vụ trả ông T, bà H 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là (200.000.000 đồng x 10%/ năm x 07 năm = 140.000.000 đồng). Do ông Tưởng trình bày bà Anh đã trả 20.000.000 đồng tiền lãi suất nên số tiền lãi suất còn lại là 140.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 120.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 200.000.000 đồng + 120.000.000 đồng = 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Án phí sơ thẩm: Bà Anh, ông Tưởng phải liên đới có nghĩa vụ chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án , xử:

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn T A, ông Nguyễn Duy Tưởng phải liên đới có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Bá T, bà Bùi Thị H

200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất là 120.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Án phí sơ thẩm: Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn T A, ông Nguyễn Duy Tưởng phải liên đới có nghĩa vụ chịu 16.000.000 đồng(Mười sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Bá T 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014314 ngày 04 tháng 01năm 2023của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục nam, tỉnh Bắc Giang .

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Đương sự*
-*TAND T, BG*
- *VKSNDH. Lục Nam*
- *THADSH. Lục Nam*
- *UBND xã Cẩm Lý*
- *Lưu.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên